

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN VŨNG LIÊM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 166 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 /11/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: Trần Thị Thu Hà

Ông: Huỳnh Văn Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, về tranh chấp “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn B**, sinh năm 1982 (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Phạm G**, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn B trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm G do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/8/2015.

Sau ngày cưới vợ chồng anh cùng nhau đi làm ở ấp B xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau thường hay cãi vã,

đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên anh và chị G đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, sống hạnh phúc được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Phạm G.

-Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 20/03/2010, Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2012. Hiện nay, hai cháu đang sống chung với chị G, sau khi ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn A mỗi tháng là 1.000.000 đồng. nuôi cháu Nguyễn D mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Nguyễn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bảng khai ý kiến ngày 10/8/2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Phạm G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết sau đó chị và anh B kết hôn vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B bỏ nhà đi hơn 01 năm nay, anh nói anh đi làm nhưng không có gửi tiền bạc vì về phụ chị nuôi con. Nay với yêu cầu xin ly hôn của anh B thì chị không đồng ý vì chị còn thương anh B, chị muốn đoàn tụ để cùng anh B nuôi dạy con chung.

-Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 20/03/2010, Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2012. Hiện nay, hai cháu đang sống chung với chị. Nếu phải ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, anh Bg tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn A mỗi tháng là 1.000.000 đồng, nuôi cháu Nguyễn D mỗi tháng là 1.000.000 đồng thì chị cũng đồng ý.

-Về tài sản chung, về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Theo bản khai ý kiến ngày 10/8/2022 của cháu Nguyễn D và cháu Nguyễn A trình bày: Sau khi cha B mẹ G ly hôn con sẽ sống với mẹ G.*

*Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Trích lục kết hôn; Căn cước công dân ( bản sao); Giấy khai sinh con chung (bản sao)

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Căn cước công dân (bản sao)

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa anh và bị đơn chị Phạm G, chị Giàu có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị G do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/8/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị G là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo anh B trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên anh và chị G không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị G cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do đầu năm 2021 anh B bỏ nhà đi, nói là đi làm, nhưng hơn một năm qua anh B không về nhà, cũng không gửi tiền về phụ chị nuôi con. Nay anh B yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý mà chị yêu cầu đoàn tụ để cùng lo cho con.

Xét yêu cầu của anh B là có cơ sở do hiện nay anh B và chị G đã không còn sống chung với nhau hơn một năm qua, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị G đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh B và chị G có hai người con chung tên; Nguyễn A, sinh ngày 20/03/2010, Nguyễn D sinh ngày 11/3/2012. Hiện nay, hai cháu đang sống chung với chị G. Sau khi ly hôn anh B đồng ý giao hai con cho chị G nuôi dưỡng, đúng theo nguyện vọng của hai con muốn sống với chị G, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn A, Nguyễn D mỗi đứa mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hai con Nguyễn A, Nguyễn D đủ 18 tuổi, chị G cũng đồng ý. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của

anh B và chị G.

Về tài sản chung, và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh B và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh B phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn B

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn B được ly hôn với chị Phạm G

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn A và Nguyễn D cho chị Phạm G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn A, Nguyễn D mỗi đứa mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hai con Nguyễn A, Nguyễn D đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, và nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn B và chị Phan G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn B đã nộp theo biên lai thu số N<sup>0</sup>0008637, ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc anh Nguyễn B phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyên**